

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2025/HSST

Ngày: 19 - 3 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm

Ông Đoàn Hồng Canh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đoàn Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST - HS ngày 03 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Mạnh T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 29/4/1990 tại huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 2x, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 và bà Phùng Thị Q, sinh năm 1957; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 19 giờ ngày 20/12/2024 đến 15 giờ ngày 25/12/2024, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đặng Kim V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu x7, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 11/2021, do muốn có tiền để chi tiêu nên Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1990, trú tại khu 2x, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Để quản lý số tiền vay một cách khoa học, tránh bị nhầm lẫn, T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro, màu tím, lắp sim số điện thoại 0961168xxx tải phần mềm 1GOLD (là phần mềm miễn phí có chức năng quản lý hoạt động tín dụng) trên mạng Internet để phục vụ việc quản lý danh sách người vay, việc thu tiền lãi và kết quả trả tiền gốc của người vay. Sau khi tải được phần mềm, T đăng ký tài khoản có tên “Camdo61”, mật khẩu đăng nhập là “Tungtai” rồi tìm người có nhu cầu để cho vay tiền lấy lãi suất cao hơn mức quy định của pháp luật dân sự nhằm thu lợi bất chính.

Đến ngày 18/11/2021, anh Đặng Kim V, sinh năm 1983, trú tại khu x7, xã H, Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã liên hệ và trực tiếp đến nhà của T ở khu 2x, xã H để đặt vấn đề vay tiền thì T đồng ý. T thống nhất cho anh V vay tiền với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ /1 ngày (tương đương với lãi suất 146%/1 năm), hình thức thanh toán bằng tiền mặt, bằng cách thức như trên, T đã cho anh V vay hai lần, gồm:

- Lần thứ nhất: Ngày 18/11/2021, T cho anh V vay số tiền 20.000.000đ. Đến ngày 27/11/2021 (10 ngày đóng lãi), anh V đã trả cho T là **800.000đ** tiền lãi (Trong đó: số tiền lãi đến 20% là **109.589đ**; số tiền lãi trên 20% là **690.411đ**); số tiền gốc anh V chưa trả cho T.

- Lần thứ hai: Ngày 28/11/2021, T cho anh V vay thêm số tiền 15.000.000đ và thống nhất gộp vào số tiền 20.000.000đ vay ngày 18/11/2021 thành tổng số tiền gốc vay là 35.000.000đ và T vẫn tính mức lãi suất 4.000đ/1.000.000đ /1 ngày để thu tiền lãi, cụ thể như sau:

- + Từ ngày 28/11/2021 đến ngày 16/5/2022 (170 ngày đóng lãi), anh V đã trả cho T **23.800.000đ** tiền lãi (Trong đó: số tiền lãi đến 20% là **3.260.274đ**; số tiền lãi trên 20% là **20.539.726đ**) và 4.500.000đ tiền gốc, nợ lại 30.500.000đ tiền gốc.

- + Từ ngày 17/5/2022 đến ngày 26/5/2022 (10 ngày đóng lãi), anh V đã trả cho T **1.220.000đ** tiền lãi (Trong đó: số tiền lãi đến 20% là **167.123đ**; số tiền lãi trên 20% là **1.052.877đ**) và trả 500.000đ tiền gốc, nợ lại 30.000.000đ tiền gốc.

- + Từ ngày 27/5/2022 đến ngày 22/11/2022 (180 ngày đóng lãi), anh V đã trả cho T **21.600.000đ** tiền lãi (Trong đó: số tiền lãi đến 20% là **2.958.904đ**; số tiền lãi trên 20% là **18.641.096đ**). Số tiền gốc 30.000.000đ anh V chưa trả cho T.

- + Từ ngày 23/11/2022 đến ngày 22/12/2022 (30 ngày đóng lãi), anh V phải trả cho T **3.600.000đ** tiền lãi (Trong đó: số tiền lãi đến 20% là **493.151đ**; số tiền lãi trên 20% là **3.106.849đ**) và 30.000.000đ tiền gốc. Tuy nhiên, anh V chỉ

trả cho T 30.000.000đ tiền gốc và xin nợ lại không tính lãi đối với số tiền lãi 3.600.000đ thì T đồng ý. Đến nay, anh V vẫn chưa trả số tiền lãi còn nợ cho T.

Như vậy, từ ngày 18/11/2021 đến ngày 22/12/2022, anh V phải trả tiền lãi cho T với tổng số tiền là **51.020.000đ** (Trong đó: số tiền lãi đến 20% là **6.989.041đ**; số tiền lãi trên 20% là **44.030.959đ**). Anh V đã trả cho T 47.420.000đ tiền lãi, còn nợ lại 3.600.000đ tiền lãi và đã trả đủ cho T 35.000.000đ tiền gốc. Quá trình điều tra, T không yêu cầu anh V phải trả số tiền lãi 3.600.000đ còn nợ và anh V cũng không yêu cầu T phải trả lại cho anh V số tiền thu lợi bất chính.

* Về mức lãi suất: Nguyễn Mạnh T cho vay tiền với mức lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày tương ứng với mức lãi suất 146%/1 năm đã vượt quá 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Điều 468. Lãi suất

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

* Về số tiền thu lợi bất chính mà Nguyễn Mạnh T phải chịu trách nhiệm hình sự là: **44.030.959đ** (Trong đó gồm: **40.924.110đ** anh V đã trả cho T và **3.106.849đ** anh V còn phải trả cho T).

Căn cứ hành vi của Nguyễn Mạnh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 102 ngày 24/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Quyết định khởi tố bị can số 485 ngày 24/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đối với Nguyễn Mạnh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số 14/CT - VKSTT ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 60.000.000đ đến 70.000.000đ sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền thu lợi bất chính thực tế bị cáo T đã thu của anh V là 40.924.110đ, anh V không đề nghị bị cáo T phải trả, do vậy không đề cập xử lý.

- Đối với số tiền lãi anh V chưa trả cho T là 3.600.000đ, cả hai không có đề nghị gì, do vậy không đề cập xử lý.

* Về truy thu:

- Truy thu của bị cáo số tiền gốc bị cáo để sử dụng cho vay là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*)

- Truy thu của bị cáo số tiền lãi đến 20% thực tế đã thu là 6.495.890đ (*Sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*)

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

2. Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là

đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai nhận tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 22/12/2022, bị cáo Nguyễn Mạnh T đã cho anh Đặng Kim V vay tổng số tiền là 35.000.000đ với mức lãi suất 4.000.000đ/1 triệu/ 1 ngày, tương đương lãi suất là 146%/ 1 năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi anh V phải trả cho bị cáo là 51.020.000đ (Trong đó số tiền lãi đến 20% là 6.989.041đ và số tiền lãi trên 20% là 44.030.959đ). Xác định số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 44.030.959đ. Do vậy bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật ngăn cấm nhưng do muốn thu lợi bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của Nguyễn Mạnh T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ. Mặc dù tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên việc truy tố xét xử bị cáo là cần thiết thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật đối với bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngày 20/12/2024 bị cáo đã tự giác đến Cơ

quan Công an tỉnh Phú Thọ để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Động cơ phạm tội của bị cáo là vụ lợi, thu lời bất chính nên chỉ cần áp dụng hình phạt Tiền là hình phạt chính để sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, bị cáo không có chức vụ, là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về truy thu:

- Đối với số tiền 35.000.000đ bị cáo cho anh Đặng Kim V vay, đây là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Anh Đặng Kim V đã trả cho bị cáo số tiền này nên cần truy thu số tiền 35.000.000đ của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi đến 20%/ năm là 6.989.041đ, trên thực tế bị cáo đã thu của anh V là 6.495.890đ, số tiền này không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng khoản tiền này phát sinh từ hành vi phạm tội nên để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm thì cần thiết phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với khoản tiền lãi: Tổng số tiền lãi là 51.020.000đ, trong đó số tiền lãi thu được từ lãi suất đến 20% là 6.989.041đ; tiền lãi trên 20% là 44.030.959đ. Anh V đã trả cho bị cáo 47.420.000đ tiền lãi (trong đó tiền lãi suất đến 20% là 6.495.890đ và tiền lãi suất trên 20% là 40.924.110đ), còn nợ lại 3.600.000đ. Số tiền lãi anh V chưa trả cho bị cáo T là 3.600.000đ, cả hai không có đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với khoản tiền lãi trên 20%/ năm là 44.030.959đ, trên thực tế bị cáo đã thu của anh V số tiền là 40.924.110đ, mặc dù các bên có sự thỏa thuận nhưng việc thỏa thuận này trái quy định của pháp luật, vi phạm lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, do vậy thỏa thuận này vô hiệu. Anh V không

yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền lãi này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro, màu tím, lắp sim số điện thoại 0961168xxx bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã vứt bỏ, không xác định được vị trí cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không thu giữ được.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Mạnh T số tiền **60.000.000đ** (*Sáu mươi triệu đồng*) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T.

* **Về truy thu:**

Truy thu của bị cáo Nguyễn Mạnh T số tiền 41.495.480đ (*Bốn mươi một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó dùng để làm phương tiện phạm tội số tiền gốc do người vay đã trả là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*); số tiền lãi thu được từ lãi suất đến 20% thực tế đã thu là 6.495.890đ (*Sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*).

* **Về trách nhiệm dân sự:**

- Xác nhận việc anh Đặng Kim V không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi suất trên 20% thực tế bị cáo đã thu là 40.924.110đ (*Bốn mươi triệu chín trăm hai mươi tư nghìn một trăm mười đồng*)

- Số tiền lãi anh V chưa trả cho bị cáo T là 3.600.000đ, cả hai không có đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về án phí:** Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thanh thủy, tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ ;
- UBND xã H, huyện Thanh Thủy (TB);
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- Sở TP tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa